BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**79.779.607.472**	**53.289.979.558**
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**31.261.432.552**	**6.093.820.930**
1. Tiền	111		5.261.432.552	6.093.820.930
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**6**	**1.609.284.904**	**1.576.420.219**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.609.284.904	1.576.420.219
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**41.341.673.910**	**35.014.565.145**
1. Phải thu khách hàng	131		37.015.011.946	32.912.344.242
2. Trả trước cho người bán	132		358.162.343	145.977.543
3. Các khoản phải thu khác	135		3.968.499.621	1.956.243.360
IV. Hàng tồn kho	**140**	**7**	**3.024.092.276**	**6.749.801.010**
1. Hàng tồn kho	141		3.024.092.276	6.749.801.010
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.543.123.830**	**3.855.372.254**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.278.095.768	1.135.964.677
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.079.447.978
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		265.028.062	639.959.599
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**157.366.288.533**	**180.611.779.191**
(200 = 220+250+260)				
I. Tài sản cố định	**220**		**150.463.824.731**	**163.598.658.587**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	141.627.203.347	111.822.982.672
- Nguyên giá	222		*176.873.821.427*	*129.339.986.187*
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		*(35.246.618.080)*	*(17.517.003.515)*
2. Tài sản cố định vô hình	227		11.916.666	4.000.000
- Nguyên giá	228		*25.000.000*	*16.000.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		*(13.083.334)*	*(12.000.000)*
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	8.824.704.718	51.771.675.915
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**-**	**12.000.000.000**
1. Đầu tư dài hạn khác	258		-	12.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**6.902.463.802**	**5.013.120.604**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	6.902.463.802	5.013.120.604
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**237.145.896.005**	**233.901.758.749**

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**136.592.012.621**	**133.608.490.618**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**134.823.961.672**	**131.687.617.449**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	103.651.278.220	98.724.142.220
2. Phải trả người bán	312		21.994.666.830	28.431.739.996
3. Người mua trả tiền trước	313		182.168.508	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		2.127.328.781	206.432.324
5. Phải trả người lao động	315		3.324.749.742	1.085.836.831
6. Chi phí phải trả	316		914.762.924	452.768.802
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		2.629.006.667	2.786.697.276
II. Nợ dài hạn	**330**		**1.768.050.949**	**1.920.873.169**
1. Phải trả dài hạn khác	333		73.180.000	74.980.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	12	851.670.949	1.676.893.169
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		843.200.000	169.000.000
B. NGUỒN VỐN (400=410)	**400**	**13**	**100.553.883.384**	**100.293.268.131**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**100.553.883.384**	**100.293.268.131**
1. Vốn điều lệ	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		553.883.384	293.268.131
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	**440**		**237.145.896.005**	**233.901.758.749**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
SĐKKD - 0103018667 - CTCP - Q. CẦU GIẤY - TP HÀ NỘI

Nguyễn Chí Dũng
Tổng Giám đốc

Dương Thu Hường
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	**250.340.461.423**	**219.873.573.081**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		**250.340.461.423**	**219.873.573.081**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		241.228.910.285	213.254.132.445
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		**9.111.551.138**	**6.619.440.636**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.220.434.864	1.250.214.636
7. Chi phí tài chính	22		4.949.423.496	2.414.083.364
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*4.949.423.496*	*2.414.083.364*
8. Chi phí bán hàng	24		833.455.273	595.597.520
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.264.547.922	5.333.083.840
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		**(1.715.440.689)**	**(473.109.452)**
11. Thu nhập khác	31		2.167.873.993	1.766.265.084
12. Chi phí khác	32		104.946.300	77.834.868
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		**2.062.927.693**	**1.688.430.216**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		**347.487.004**	**1.215.320.764**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	15	86.871.751	97.756.044
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		**260.615.253**	**1.117.564.720**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	16	**26**	**114**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
SĐKKD: 0103018667 - CTCP - Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Chí Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Dương Thu Hường
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**347.487.004**	**1.215.320.764**
2. Điều chỉnh cho các khoản:		**20.532.713.655**	**15.421.566.888**
Khấu hao tài sản cố định	02	17.803.725.023	14.257.698.160
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.220.434.864)	(1.250.214.636)
Chi phí lãi vay	06	4.949.423.496	2.414.083.364
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanhtrước thay đổi vốn lưu động	**08**	**20.880.200.659**	**16.636.887.652**
(Tăng) các khoản phải thu	09	(3.872.729.250)	(9.296.477.421)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	3.725.708.734	(5.731.223.782)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.244.259.279)	7.962.576.571
(Tăng) chi phí trả trước	12	(3.031.474.289)	(3.751.274.087)
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.949.423.496)	(2.414.083.364)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	157.792.693
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**11.508.023.079**	**3.564.198.262**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(4.629.895.416)	(48.947.977.664)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(32.864.685)	(12.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	12.000.000.000	14.723.579.781
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.220.434.864	1.250.214.636
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**9.557.674.763**	**(44.974.183.247)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	5.682.300.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.927.136.000	35.898.920.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(825.222.220)	(825.222.220)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**4.101.913.780**	**40.755.997.780**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**25.167.611.622**	**(653.987.205)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**6.093.820.930**	**6.747.808.135**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**31.261.432.552**	**6.093.820.930**

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định không bao gồm số tiền 1.009.193.150 VND (năm 2009: 3.346.326.150 VND) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Nguyễn Chí Dũng
Tổng Giám đốc

Dương Thu Hường
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018667 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 512 (31 tháng 12 năm 2009: 374).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải bằng ô tô; buôn bán xăng, dầu khí hóa lỏng; kinh doanh các ngành gas, bao gồm chế tạo sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang khí hóa lỏng; sửa xe bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng phương tiện vận tải.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là khoảng 55 tỷ đồng. Do vậy, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào lợi nhuận hoạt động của Công ty trong thời gian tới và việc tiếp tục hỗ trợ từ các chủ sở hữu. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục do Công ty được hưởng lãi suất hỗ trợ là 3%/năm đến ngày 18/6/2011 và tiếp tục được gia hạn khoản vay ngắn hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2010 Số năm	2009 Số năm
Máy móc và thiết bị	4 - 5	4 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 7	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 10	6 - 8
Tài sản khác	5	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí bảo hiểm, sửa chữa và bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	323.221.675	2.554.451.621
Tiền gửi ngân hàng	4.938.210.877	3.539.369.309
Các khoản tương đương tiền	26.000.000.000	-
	31.261.432.552	**6.093.820.930**

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thể hiện số dư khoản tiền gửi có kỳ hạn 7 tháng tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, lãi suất là 11%/năm và đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Nguyên vật liệu	735.431.477	3.018.689.453
Công cụ, dụng cụ	157.840.586	37.527.069
Chi phí sản xuất dở dang	53.802.000	986.065.029
Hàng hoá	2.077.018.213	2.707.519.459
	3.024.092.276	**6.749.801.010**

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	2.470.640.098	126.608.759.580	197.158.369	63.428.140	129.339.986.187
Tăng trong năm	-	-	48.787.273	58.824.700	107.611.973
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.018.108.956	47.451.338.834	-	-	48.469.447.790
Giảm khác	(1.012.215.000)	-	(31.009.523)	-	(1.043.224.523)
Tại ngày 31/12/2010	**2.476.534.054**	**174.060.098.414**	**214.936.119**	**122.252.840**	**176.873.821.427**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	590.381.551	16.848.127.227	63.612.183	14.882.554	17.517.003.515
Khấu hao trong năm	579.575.071	17.124.212.953	62.698.961	36.154.704	17.802.641.689
Giảm khác	(63.263.439)	-	(9.763.685)	-	(73.027.124)
Tại ngày 31/12/2010	**1.106.693.183**	**33.972.340.180**	**116.547.459**	**51.037.258**	**35.246.618.080**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	**1.369.840.871**	**140.087.758.234**	**98.388.660**	**71.215.582**	**141.627.203.347**
Tại ngày 31/12/2009	**1.880.258.547**	**109.760.632.353**	**133.546.186**	**48.545.586**	**111.822.982.672**

Theo Nghị quyết số 9543/NQ-DKVN ngày 21 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc hỗ trợ lãi suất cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 36/PV-Petrotrans/TXV/08 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định thay đổi thời gian sử dụng ước tính của phương tiện vận tải dùng cho dịch vụ taxi từ 8 năm lên 10 năm (2009: 8 năm; 2008: 6 năm). Ban Tổng Giám đốc tin rằng việc áp dụng tỷ lệ khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu tỷ lệ khấu hao trước đây được tiếp tục áp dụng, chi phí khấu hao trong năm 2010 sẽ tăng với số tiền khoảng 1 tỷ VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 118.957.095.155 VND (31 tháng 12 năm 2009: 101.672.762.687 VND) để đảm bảo cho các cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty (xem chi tiết tại Thuyết minh số 11 và 12).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.824.704.718	51.771.675.915
Trong đó:		
- Dự án mua xe taxi	7.558.077.996	48.990.655.960
- Dự án xây dựng trạm nạp LPG	1.213.772.722	774.615.774
- Dự án xây dựng xưởng sửa chữa ôtô	52.854.000	-
- Dự án mua xe taxi hạng sang	-	1.947.579.481
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	58.824.700
	8.824.704.718	**51.771.675.915**

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	5.013.120.604	2.161.331.924
Tăng	4.268.689.997	4.153.754.827
Phân bổ vào chi phí trong năm	(2.379.346.799)	(1.301.966.147)
Tại ngày 31 tháng 12	**6.902.463.802**	**5.013.120.604**

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	102.826.056.000	97.898.920.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	825.222.220	825.222.220
	103.651.278.220	**98.724.142.220**

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng vay số 36/PV-Petrotrans/TXV/08 ngày 18 tháng 6 năm 2008 với hạn mức tín dụng là 111.000.000.000 VND để mua sắm phương tiện vận tải phục vụ cho kinh doanh vận tải. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị của một số phương tiện vận tải của Công ty (xem Thuyết minh số 8) và chịu lãi suất là 6,8%/năm. Thời hạn của hợp đồng vay này là 01 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và được gia hạn thêm 01 năm, đáo hạn vào ngày 18 tháng 6 năm 2011. Từ ngày 18 tháng 6 năm 2010, khoản vay ngắn hạn chịu lãi suất là 3%/năm theo chương trình hỗ trợ lãi suất của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn cầu theo Hợp đồng tín dụng số 0195/HĐTD-GPBHO/07 ngày 28 tháng 12 năm 2007 với hạn mức tín dụng là 3.713.500.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất 6 tháng đầu tiên là 1,01%/tháng và điều chỉnh 6 tháng một lần. Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 2,88%/năm. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, gốc vay được hoàn trả hàng quý, bắt đầu từ ngày 29 tháng 9 năm 2008. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị của một số phương tiện vận tải của Công ty (xem Thuyết minh số 8).

12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trong vòng một năm	825.222.220	825.222.220
Trong năm thứ hai	825.222.220	825.222.220
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	26.448.729	851.670.949
	1.676.893.169	**2.502.115.389**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	825.222.220	825.222.220
Số phải trả sau 12 tháng	**851.670.949**	**1.676.893.169**

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	94.317.700.000	(824.296.589)	93.493.403.411
Vốn đã góp	5.682.300.000	-	5.682.300.000
Lợi nhuận trong năm	-	1.117.564.720	1.117.564.720
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	**100.000.000.000**	**293.268.131**	**100.293.268.131**
Lợi nhuận trong năm	-	260.615.253	260.615.253
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	**100.000.000.000**	**553.883.384**	**100.553.883.384**

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty đều là 100.000.000.000 VND. Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
			31/12/2010	31/12/2009
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	38.670.000.000	38,67%	38.670.000.000	38.670.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	10.000.000.000	10,00%	10.002.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10.000.000.000	10,00%	10.000.000.000	10.000.000.000
Cổ đông khác	11.330.000.000	11,33%	11.328.000.000	11.330.000.000
	100.000.000.000	**100%**	**100.000.000.000**	**100.000.000.000**

14. DOANH THU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	175.285.054.698	171.736.429.560
Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.055.406.725	48.137.143.521
	250.340.461.423	**219.873.573.081**

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	347.487.004	1.215.320.764
Trừ: Lỗ năm trước mang sang	-	(824.296.589)
Thu nhập chịu thuế	**347.487.004**	**391.024.175**
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**86.871.751**	**97.756.044**

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế.

16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	260.615.253	1.117.564.720
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.000.000	9.837.524
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**26**	**114**

17. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm	1.025.225.567	702.171.919

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Trong vòng một năm	592.800.000	702.171.919
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	26.000.000	1.514.696.000
	618.800.000	**2.216.867.919**

Các khoản thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng của Công ty. Các hợp đồng thuê được ký cho giai đoạn từ ngày 11 tháng 8 năm 2007 đến ngày 3 tháng 12 năm 2014.

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Nhận vốn góp		
Ông Nguyễn Quốc Phương (Nguyên thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc)	-	12.300.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	5.670.000.000
Doanh thu		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	12.825.000.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Hà Nội	126.777.648	115.948.782
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu	-	22.463.988
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	6.381.616.874	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo	409.903.162	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	2.318.554.581	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	520.011.800	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Nam Định	2.950.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Hà Nội	-	1.179.653.600
Lãi vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	4.671.281.543	2.070.205.155
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu	278.141.953	383.931.353

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tiền lương, thưởng và các khoản phúc lợi	801.600.277	652.203.780

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	22.463.988
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	14.363.336.900	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	1.093.261.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	1.069.450.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	237.524.315	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo	158.400.000	-
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	113.875.200	-
Phải trả		
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	2.318.554.581	-
Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí Vidamo	870.643.946	430.241.654
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	683.610.160	1.414.934.286
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	675.000.000	7.208.851
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	129.066.000	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Nam Định	2.950.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Hà Nội	-	43.679.413
Các khoản vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn Cầu	1.676.893.169	2.502.115.389
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	102.826.056.000	97.898.920.000

19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán. Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

SĐKKD - 0103018667 - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG
Q. CẦU GIẤY - TP HÀ NỘI

Nguyễn Chí Dũng	**Dương Thu Hường**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**

Ngày 28 tháng 3 năm 2011